

CHÁNH NIỆM VÌ HÒA BÌNH – ỨNG NGHIỆM TRONG HÀNH TRÌNH CÙNG LỊCH SỬ, PHẤN ĐẤU TỪ NHIỆM VỤ HÒA BÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ

Hà Minh Hồng*

TÓM TẮT

Chánh niệm vì hòa bình là sự tỉnh giác, sự chú tâm đến nền hòa bình ổn định và phát triển của đất nước, khu vực và toàn thể nhân loại – một sự chú tâm thiết thực như mỗi con người sống hàng ngày phải ăn-thở-hoạt động – chú tâm suy nghĩ và hành động vì hòa bình phát triển của dân tộc, chú tâm tỉnh giác và giúp cho mọi người tỉnh giác vì an lành, yên bình phát triển của mỗi người, mỗi gia đình, Tổ quốc và nhân loại. Đại Việt từ thế kỷ X đến nay có Phật giáo đồng hành, trong đó có nhiều vương triều lấy Phật giáo làm Quốc giáo. Lịch sử Đại Việt từ đó về sau dù có nhiều lần phải chiến tranh, thậm chí có thế kỷ III-IV cuộc chiến tranh (thế kỷ XX), nhưng tất cả đều vì hòa bình. Chánh niệm vì hòa bình ở Việt Nam có nội dung: Trước nguy cơ chiến tranh đều có nhiều cố gắng hóa giải để tránh chiến tranh; khi buộc phải chiến tranh thì không giao cuộc chiến cho một mình quân đội mà là cuộc chiến của toàn dân yêu chuộng hòa bình; lại thường có biện pháp vận động binh lính đối phương quay về với chính nghĩa, với nhân dân hòa bình; khi có điều kiện đàm phán thương lượng, thì luôn chớp lấy làm cơ hội để kết thúc chiến tranh bằng ký kết hiệp định hòa bình; ngay sau chiến tranh

* GV., Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

thực hiện hòa giải, hòa hợp dân tộc, hòa hiếu, hữu nghị, hợp tác xây dựng phát triển đất nước. Chánh niệm vì hòa bình nên chánh kiến, chánh tư duy hòa bình thế nào? Hòa bình là không có chiến tranh, gắn với thống nhất, độc lập tự chủ, hòa hợp dân tộc; hòa bình là không bị đe dọa bằng vũ lực; hòa bình gắn với xây dựng phát triển kinh tế-xã hội, ổn định chính trị-xã hội, bình đẳng quốc gia và quốc tế. Muốn vậy, mỗi người, mỗi gia đình, mỗi quốc gia phải chung tay góp những viên gạch vững chắc xây dựng và bảo vệ cuộc sống hòa bình, chống chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc, thực hiện hóa giải các xung đột, hóa giải nguy cơ chiến tranh bằng biện pháp hòa bình, đàm phán.

1. SUY NGHĨ VỀ CHÁNH NIỆM VÌ HÒA BÌNH

Trong sách “*Những lời dạy của Đức Phật về hòa bình và giá trị con người*”, Hòa thượng Thích Minh Châu (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam) viết: “*Tổng kết 45 năm thuyết pháp của Ngài, đức Phật tuyên bố rõ ràng là Ngài chỉ dạy hai vấn đề: Khổ và diệt khổ, ngoài ra không dạy gì nữa. Chiến tranh đem đến đau khổ. Hòa bình nghĩa là chấm dứt khổ đau. Do vậy Ngài được tôn xưng là “vị Sư giả hòa bình”*”¹.

Giáo lý nhà Phật cho rằng tất cả những mâu thuẫn, nội kết, xung đột trong phạm vi cá nhân hay xã hội đều được phát sinh từ ba độc tố trong tâm thức, đó là tham, sân, si, biểu hiện thành những lo âu, căng thẳng, sợ hãi, hận thù, tuyệt vọng, bất đồng, sai lầm, dẫn đến những mâu thuẫn, xung đột... Tất cả sẽ dẫn đến mầm mống của bạo động và chiến tranh. Không chỉ lý giải nguồn gốc và mầm mống, giáo lý nhà Phật còn chỉ dẫn cách nhận diện được những yếu tố tiêu cực trong mình để có thể chăm sóc và chuyển hóa nó, hóa giải nó để tránh mâu thuẫn xung đột, như thế sẽ tránh dẫn đến chiến tranh và xây dựng cuộc sống hòa bình. Kinh *Quán niệm hơi thở* chỉ cho chúng sinh cách nhận diện, làm lắng dịu, chuyển hóa những cảm thọ khó chịu hay những cảm xúc đau khổ của mình; như vậy là chỉ dạy cách hòa giải với chính mình, chăm sóc bản thân mình, chú trọng cảm thọ và cảm xúc của mình, từ đó nhận diện tâm hành và tri giác đúng, tránh dẫn đến nhận thức sai, hành động sai và phải chiến tranh, tàn phá hòa bình.

1. Thích Minh Châu, *Những lời dạy của Đức Phật về hòa bình và giá trị con người*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995.

Phật dạy chúng sinh cái khát vọng chung xây thế giới thanh bình và vị tha, bởi suy cho cùng: hạnh phúc hay khổ đau do chính chúng sinh định thành, chúng sinh tu tập để chuyển hóa nghiệp thức của mình như thế nào sẽ đưa đến nhân quả, nghiệp báo như thế, nếu chuyển hóa nghiệp thức vì hòa bình, hạnh phúc, an vui thì hòa bình, hạnh phúc, an vui sẽ được kiến lập; tâm từ bi vốn có trong chúng sinh là cơ sở trọng yếu và nhân tố thiết yếu để mỗi chúng sinh tri giác và giác ngộ đúng theo khát vọng hòa bình.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh từng chỉ rõ: “*Chúng ta đều biết là hòa bình phải bắt đầu từ chính tự thân, nhưng không phải nhiều người trong chúng ta biết cần phải làm như thế nào để có được điều đó*”². Và Người cũng nói rằng: “*Khi mà bom đạn rơi trên đầu của đồng bào thì chúng tôi không thể ngồi tọa thiền suốt ngày trong thiền đường được. Thiền không chỉ là ý thức được những gì đang xảy ra trong thân hay trong cảm thọ của mình mà còn ý thức cả những gì đang xảy ra chung quanh mình*” và “*Chúng ta phải thực tập như thế nào để trong khi giúp đỡ cho một đứa trẻ bị thương, ta vẫn có thể duy trì được hơi thở chánh niệm. Chúng ta không nên đánh mất mình trong công việc. Làm việc cũng chính là thiền tập*”³. Theo chỉ dẫn đó, ta hiểu theo nhà thiền sư: mọi thiền tập ở thiền đường hay trong công việc lúc có chiến tranh đều là cách thiền tập vì hòa bình, cũng là cách chánh niệm vì hòa bình.

Lại hiểu chánh niệm như thế nào cho đúng? Chánh niệm “là sự thuần chú tâm”⁴, nhớ đúng nghĩ đúng, quán vào thân tâm để luôn tỉnh thức; chánh niệm là “Nhất Tâm”. Bát Chánh Đạo giải thích chánh niệm là: Nơi thân tỉnh thức bằng cách thực tập tập trung vào hơi thở; Nơi cảm thọ tỉnh thức bằng cách quán sát sự đến đi trong ta của tất cả mọi hình thức của cảm thọ, vui, buồn, trung tính; Nơi những hoạt động của tâm tỉnh thức bằng cách xem coi tâm ta có chứa chấp dục vọng, sân hận, lừa dối, xao lãng, hay tập trung; Nơi vạn pháp tỉnh thức bằng cách quán sát bản chất vô thường của chúng từ sanh trụ dị diệt để tận diệt chấp trước và luyến ái⁵.

2. Thiền sư Thích Nhất Hạnh: *Hòa bình bắt đầu từ chính bạn*, phỏng vấn của John Malkin, ngày 1/7/2003.

3. Thiền sư Thích Nhất Hạnh: *Hòa bình bắt đầu từ chính bạn*, phỏng vấn của John Malkin, ngày 1/7/2003.

4. *Chánh niệm tỉnh giác* (Ni sư Ayya Khema), Báo Giác Ngộ số 455.

5. <https://thuvienhoasen.org/tudien?k=Ch%C3%A1nh%20ni%E1%BB%87m>

Chánh niệm vì hòa bình là “sự thuần chú tâm” vì hòa bình – chú tâm vào hành động hàng ngày vì hòa bình, sự chú tâm như vào hơi thở vì hòa bình. Cần hiểu hòa bình không chỉ có nghĩa là không có chiến tranh, mà còn là hóa giải mọi xung đột, giải quyết mọi bất hòa, chuyển hóa mọi mâu thuẫn. Phật giáo chủ trương hóa giải những nội kết, chuyển hóa sân hận, si mê thành lòng từ ái, bao dung, cảm thông và hiểu biết, truyền thống tâm linh của Phật hướng đến sự giác ngộ và giải thoát.

Chánh niệm vì hòa bình không chấp nhận chiến tranh vì chiến tranh nào cũng tàn khốc. Nhưng một khi đất nước trước họa xâm lăng, kẻ thù rắp tâm xâm lược, chúng sinh phải cùng nhau tự vệ, nhà lãnh đạo phải có bốn phận bảo vệ chúng sinh và giữ gìn bờ cõi. Nhà lãnh đạo cần phải thể hiện thiện chí hòa bình để tránh chiến tranh cho đồng loại, phải biết nguyên nhân dẫn đến chiến tranh để tìm cách hóa giải nó. Chỉ đến khi kẻ thù không chịu thương thảo, nhà lãnh đạo buộc phải dùng quân giữ gìn đất nước.

Chánh niệm vì hòa bình gắn gũi với đời sống và nhu cầu thực tại của con người trong xã hội: như sống an lạc trong gia đình có tu tập, trong nhà trường có thầy cô giáo dạy học trò nên người có đạo đức và ý thức cống hiến, thực tập lắng nghe, chia sẻ và thấu hiểu; chánh niệm vì hòa bình cũng là thấy sự an lành của con người và loài vật nói chung, cần bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài trên trái đất và bảo vệ con người, bảo vệ sự sống cho con người và muôn loài, cấm sản xuất và tiêu thụ những độc hại cho con người và loài vật, cấm sản xuất và tiêu thụ vũ khí; không có tình trạng người bóc lột người; luôn thực tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp để xây dựng hòa bình; sống đơn giản, ít tiêu thụ, để thì giờ chăm sóc cho mình và chăm sóc mọi người nhiều hơn, sống hạnh phúc trong hiện tại...

Chánh niệm vì hòa bình ở Việt Nam như tấm gương Hồ Chí Minh cho thấy trong mỗi con người phải có cái tâm, cái đức trong sáng và Hồ Chí Minh hết sức chú trọng về đạo đức và cái tâm của con người, có đạo đức cao cả, lương tâm trong sáng để hành động theo lương tâm và đạo đức.

2. ỨNG NGHIỆM TRONG HÀNH TRÌNH CÙNG LỊCH SỬ

Đất nước từ sau khi ra khỏi chế độ Bắc thuộc và bước vào xây

dựng nền độc lập quốc gia từ thế kỷ X trở đi, Đại Việt đã lấy Phật giáo làm quốc giáo, mục đích xây dựng một cộng đồng dân tộc sống trong hòa bình và phát triển. Các vương triều Đại Việt tính từ đầu thế kỷ XI đều coi trọng vai trò Phật giáo trong sứ mệnh bảo vệ nền độc lập và văn hóa truyền thống dân tộc.

Thế kỷ XI-XIII, Nhà Lý chăm lo phát triển kinh tế và văn hóa Đại Việt và đạt được nhiều thành tựu, trong đó đạo Phật trở thành quốc giáo; nhà chùa vừa là nơi thờ tự, vừa là nhà trường, nơi học tập, trau dồi đạo đức, sinh hoạt văn hóa, võ nghệ của người dân; giáo lý nhà Phật cứ thế ăn sâu vào đời sống tinh thần của nhân dân. Đội ngũ tăng quan trong triều Lý khá đông, nhiều tăng sĩ đắc đạo và có học vấn uyên bác thời này được vương triều trọng dụng; có sư là thầy dạy của vua và được phong làm Quốc sư. Nhiều nhà sư được ban hiệu Quốc sư như Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Thông Biện, Viên Thông, Không Lộ... Các Quốc sư không chỉ là người giúp vua hiểu biết về giáo lý đạo Phật, mà còn là cố vấn đắc lực cho vua những vấn đề về văn hóa, chính trị, ngoại giao, quân sự; họ thực sự là những người phò vua giúp nước. Đặc biệt là trước hiểm họa xâm lăng từ phương Bắc, tư tưởng vô ngã, bình đẳng, yêu nước, dân chủ của Phật giáo đã kết Đại Việt thành khối đoàn kết sâu rộng vua tôi, tướng binh và dân chúng, từ đó tạo ra sức mạnh giữ nước, phá âm mưu xâm lược của nhà Tống ngay trên đất Tống, chống các đạo quân Tống sang xâm lược, trừng trị kẻ cấu kết với quân Tống xâm lược, bảo vệ hòa bình độc lập dân tộc. Dù là Quốc giáo, nhưng Phật giáo thời Lý hòa đồng với các tôn giáo khác (Đạo giáo, Nho giáo), văn hóa quốc giáo Đại Việt là văn hóa dung hòa các văn hóa tôn giáo (Quốc Tử Giám mở khoa thi Nho học nhưng nội dung thể hiện Tam giáo đồng quy; chùa chiền Đại Việt bấy giờ đan xen cả đạo cung, đạo quán, đền miếu, văn miếu...)

Thế kỷ XIII-XIV, Nhà Trần tiếp tục xây dựng thành vương triều lớn của lịch sử trung đại Việt Nam, bên cạnh những chiến công vang dội về quân sự 3 lần đánh thắng quân Nguyên Mông, văn hoá Đại Việt thời Trần tiếp tục phát triển theo cội nguồn từ thời Lý và đạt đến đỉnh cao mới, để lại nhiều dấu ấn sâu sắc. Nhất là từ khi hai vua Trần Thánh Tông và con Trần Nhân Tông cùng hợp sức các thế hệ, tạo dựng sức mạnh Đại Việt đủ để đảm bảo nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc, thực hiện thắng lợi hai cuộc chiến tranh vệ

quốc năm 1258 và 1278, bảo vệ và củng cố hòa bình đất nước trong một thời gian dài. Vua Trần Thánh Tông là anh hùng dân tộc, đã tiến hành đường lối ngoại giao mềm dẻo nhưng kiên quyết, tạo điều kiện cho Đại Việt có thời gian hòa bình để bồi dưỡng tiềm lực kinh tế quốc phòng, củng cố phát triển lực lượng đất nước, đảm bảo việc bảo vệ hòa bình và sẵn sàng chống lại các thế lực ngoại xâm. Vua Trần Thánh Tông nói với các tôn thất: “*Thiên hạ là thiên hạ của Tổ tông, người nối nghiệp của Tổ tông nên cùng với anh em trong họ cùng hưởng phú quý. Tuy bên ngoài thì cả thiên hạ tôn thờ một người, nhưng bên trong thì ta cùng các khanh là đồng bào ruột thịt, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui*”. Phật giáo thời Trần tạo dựng bản sắc mới với nền tảng cơ sở “Phật tại tâm” - Trong tâm có Phật, việc tìm cầu hạnh phúc an lạc ngay trong đời sống trần tục của con người - Phật tâm ca ghi: “*Tâm là Phật/ Phật là tâm*”⁶. Như thế Phật giáo thời Trần tích cực nhập thế - đạo không tách rời đời và đời cũng không thiếu vắng đạo, trở thành Phật giáo Việt Nam, một nền Phật giáo thế sự, kêu gọi mọi người cùng đóng góp tùy theo khả năng của mình để xây dựng một thế giới an lạc cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Đặc biệt là vua Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi cho con (năm 1293), lên làm thái Thượng hoàng, ngài xuất gia đi tu ở Yên Tử (năm 1299) và sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm. Vua – Đức Phật Trần Nhân Tông cùng với các bậc cao tăng như Thiền sư Pháp Loa, Thiền sư Huyền Quang, cư sĩ Tuệ Trung Thượng Sĩ góp phần quan trọng khẳng định vai trò to lớn của Phật giáo trong lịch sử nền hòa bình Đại Việt.

Thế kỷ XV, nhà Hồ có tham vọng cải cách những vấn đề xã hội, trong đó có “cải cách” Phật giáo, nhưng chỉ mới bắt đầu đã phải tiếp tục đối phó với chiến tranh xâm lược của phương Bắc. Kẻ thù chà đạp lên nền hòa bình độc lập dân tộc; đất nước lại một phen binh đao và các lãnh tụ gương cờ nghĩa Lam Sơn phải dùng chiến thuật “Tâm công” mới đánh đuổi được giặc Minh để lập lại hòa bình. Việc nhà Lê được thiết lập như là sản phẩm tất yếu của lòng dân sau hàng chục năm khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng nay cần phải tiếp tục xây dựng kiến thiết lại đất nước và có thể đẩy mạnh cải cách, kể cả cải cách Phật giáo. Sử chép ngay năm đầu nhà Lê (năm 1429) Lê Thái Tổ đã cho mở kỳ khảo hạch Tăng đạo; người nào

6. Thích Thanh Từ (2008), *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục giảng giải*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr.604.

trúng tuyển thì được ở chùa tu hành, người nào hỏng thì phải hoàn tục. Đại Việt từ đó vươn đến thịnh vượng và hoàn chỉnh bộ máy nhà nước theo mô hình Khổng Nho, nhưng nền tảng tinh thần xã hội ấy vẫn giữ nguyên đường nét vững bền của văn hóa Phật giáo từ mấy trăm năm trước, ăn sâu thành truyền thống văn hóa dân tộc rồi (Mỗi khi đất nước nguy nan đều trông đợi Đức Phật: năm 1434 trời đại hạn, vua Lê Thái Tôn sắc rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân về kinh làm lễ cầu mưa; năm 1449 trời đại hạn, vua Lê Nhân Tôn sắc bộ lễ làm đảo vũ ở chùa Báo Ân...)

Điều đáng chú ý là trong xã hội Đại Việt từ thế kỷ XVI trở đi, nhất là mấy thế kỷ XVII-XVIII các tập đoàn phong kiến Đại Việt tranh giành quyền lực, một trật tự cơ cấu xã hội “Nhất sĩ nhì nông” được định vị – như là cách khẳng định vị trí chủ đạo của Khổng Nho, nhưng trong trật tự vô hình của thời kỳ phong kiến suy vong ấy lại thấy rõ vị trí vai trò chỗ dựa của đạo Phật: nhà Nho đi tu cửa Phật, sĩ phu thường đi lễ chùa; cả Đàng Ngoài và Đàng Trong thời ấy, chính các chúa khi thay thế vai trò các vua là người sốt sắng việc dựng chùa, đúc tượng Phật, đích thân hành lễ.

Thế kỷ XIX, các vua Nguyễn đối phó hiệu quả với mưu toan bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây và phương Bắc, song song với việc thường xuyên cho chỉnh sửa chùa chiền và chú trọng chăm lo đội ngũ tăng quan. Phật giáo chấn hưng, nhiều nơi mở đạo trường (trường Tăng ở chùa Quán Sứ, trường Ni ở chùa Bồ-đề, Phật học viện ở chùa Tây Thiên, Phật học viện ở chùa Báo Quốc, trường Ni ở chùa Diệu Đức, Phật học viện ở Trà Vinh), nhiều báo, tạp chí ra đời để hoằng dương Phật pháp... Nhưng nửa cuối thế kỷ XIX, chiến tranh của thực dân phương Tây tràn sang, nhiều sư và Phật tử dấn thân, gắn hoạt động tôn giáo với xã hội và nền độc lập của dân tộc; mặc dầu vậy đất nước vẫn phải chịu hơn 80 năm nô lệ dưới ách cai trị áp bức của ngoại bang, trước khi được có tên trên bản đồ dân chủ cộng hòa.

Thời hiện đại (từ năm 1945-Nay), Phật giáo vẫn giữ nguyên chính đạo trong xã hội nhiều tôn giáo, hầu hết các tôn giáo bản địa đều lấy cốt cách Phật làm nền giáo lý. Nhưng chiến tranh thời hiện đại nhiều vô kể; người Việt – kể cả chúng sinh Phật tử và các tôn giáo đều lấy hòa bình làm bấu bối ứng phó với chiến tranh và thời cuộc. Suốt thời hiện đại, trước nguy cơ chiến tranh đều có nhiều cố

gắng hóa giải để tránh chiến tranh; khi buộc phải chiến tranh thì không giao cuộc chiến cho một mình quân đội mà là cuộc chiến của toàn dân yêu chuộng hòa bình; lại thường có biện pháp vận động binh lính đối phương quay về với chính nghĩa, với nhân dân hòa bình; khi có điều kiện đàm phán thương lượng, thì luôn chớp lấy làm cơ hội để kết thúc chiến tranh bằng ký kết hiệp định hòa bình; ngay sau chiến tranh thực hiện hòa giải, hòa hợp dân tộc, hòa hiếu, hữu nghị, hợp tác xây dựng phát triển đất nước.

Thế mới thắm cái thời các vương triều Lý, Trần, Lê, lúc nào Đại Việt có vua nhuần tư tưởng từ bi, cứu thế của đạo Phật, có lòng khoan dung, nhân từ, chăm lo cho dân ấm no, hạnh phúc, bảo vệ nền độc lập nước nhà, thì quả nhiên lúc đó chúng sinh và đất nước được bình an. Sử sách còn ghi vua Lý Nhân Tông là: “Người sáng suốt khôn ngoan, nhân hiền, hiếu nghĩa. Vua nghe lời can ngăn, cầu kẻ hiền tài, ít tạp dịch, thuế khóa nhẹ. Bấy giờ nước lớn phải sợ; nước nhỏ phải mến, thần giúp người theo, dân thì đông giàu, mình thì thái bình”⁷. Đại Việt sử ký toàn thư chép kỹ nhà Trần viết về các vua Trần đều: “Để tâm nơi kinh Phật” với Nhân Tông Hoàng đế: “Nhân từ hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp trù hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần”⁸; Anh Tông Hoàng đế: “Khéo biết kế thừa, cho nên thời cuộc đi tới thái bình, chính trị trở nên tốt đẹp, văn vật chế độ ngày càng thịnh vượng”⁹; Minh Tông Hoàng đế: “Dem văn minh sửa sang đạo trị nước, làm rạng rỡ công nghiệp của người xưa, giữ lòng trung hậu, lo nghĩ sâu xa, trong yên ngoài phục, kỷ cương đủ bày”¹⁰. Thời hiện đại, Thượng tọa Thích Đức Nghiệp nhận thấy: “Hồ Chí Minh đã làm đúng như những lời kinh Pháp cú, là người lãnh đạo thế gian, biết làm việc chân chính, không thiên vị; biết tu dưỡng tâm hồn, thẳng vượt mọi điều xấu đó là vị Pháp vương; thấy ai làm đúng, thường giúp đỡ; làm lợi ích cho mọi người bằng nhân ái”¹¹.

7. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch Nxb Sử học, Hà Nội 1960, tập 1, tr.160.

8. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Bản in nội các quan bản. Tập II. Nxb KHXH, Hà Nội 2004, tr.47.

9. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Bản in nội các quan bản. Tập II. Nxb KHXH, Hà Nội 2004, tr.75.

10. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Bản in nội các quan bản. Tập II. Nxb KHXH, Hà Nội 2004, tr.107.

11. Thích Đức Nghiệp, *Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam*. Trong *Đạo Phật Việt Nam*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995 tr.276.

3. PHẤN ĐẤU CHO NHIỆM VỤ CỦA LỊCH SỬ VÌ HÒA BÌNH PHÁT TRIỂN

Đức Phật giảng giải: Ba trạng thái độc tham sân si của con người chính là nguồn gốc của khổ đau, phiền não và dẫn đến chiến tranh; trong đó tham lam và sân hận suy cho cùng chỉ là kẻ dẫn dắt cái gốc sâu thẳm của sự si mê – việc không thấy, không phân biệt thiện - ác, lợi - hại, biểu hiện thành lòng tham (muốn chiếm đoạt những cái không thuộc của mình) và sân hận (điều không thích, không bằng lòng xuất hiện); muốn có nền hòa bình phải triệt tiêu tam độc, xóa bỏ lòng tham và sân hận là cái bóng của tâm ngu si, đoạn trừ 3 căn bản tham sân si bằng cách thực thi lối sống lành mạnh theo Bát chánh đạo. Đức Phật chỉ rõ chiến tranh là điều tệ hại nhất, nó không những là sự tàn sát lẫn nhau, để lại lòng hận thù, chia rẽ, còn là sự hủy hoại những gì tốt đẹp và văn minh mà con người tạo ra. Vì vậy, hành động chung cho cuộc sống hòa bình và phát triển xã hội là chánh niệm chung, nhân sinh chung của tất cả mọi chúng sinh, để cùng đến một môi trường cộng sinh hài hòa và tin yêu. Hòa bình chỉ có thể kết nụ khi mọi người cùng biết gắn bó, chia sẻ và đặc biệt cùng ý thức về tầm quan trọng của việc điều phục và chuyển hóa nội tâm để hướng đến cuộc sống cao thượng hơn cho mình và mọi người. Nền hòa bình bền vững chỉ xác lập ở những nơi nào mà tinh thần từ bi của nhà lãnh đạo được thể hiện một cách chân thực và trọn vẹn.

Thông điệp hòa bình của Liên Hiệp Quốc kêu gọi mọi người, mọi chủng tộc, mọi quốc gia và các tôn giáo cùng nhau xây dựng nền hòa bình, mỗi người, mỗi gia đình, mỗi quốc gia là những viên gạch vững chắc xây dựng nền móng hòa bình, để trên đó tòa nhà hòa bình chung của nhân loại chúng sinh được vững bền. Sứ mệnh lớn lao của Liên Hiệp Quốc là chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình, ngăn chặn và hóa giải tất cả những mâu thuẫn, bất đồng, xung đột và chiến tranh; nhiệm vụ trọng đại hàng đầu của tổ chức lớn nhất hành tinh - Liên Hiệp Quốc là cổ vũ nền hòa bình, tổ chức cuộc sống hòa bình, định hướng tất cả vận động phát triển của các dân tộc, quốc gia, khu vực về mục tiêu mục đích vì hòa bình, hòa giải, hòa hợp.

Việt Nam là đất nước trải qua nhiều cuộc chiến tranh; suốt từ thế kỷ III TrCN đến thế kỷ XX đã có hàng chục cuộc chiến, có những thế kỷ liên tiếp 4 cuộc chiến tranh lớn và có những cuộc chiến kéo

dài hàng chục năm không dứt. Nhưng lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc Việt Nam cơ bản vẫn là lịch sử nền hòa bình và phát triển. Thực tế những cuộc chiến tranh xảy ra ở Việt Nam là những bài học thấm đẫm giá trị quý báu về Việt Nam ngăn ngừa hóa giải nguy cơ chiến tranh, chung tay vì hòa bình, nỗ lực chống chiến tranh của bất cứ thế lực ngoại xâm nào, giành lại hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đặc điểm nền hòa bình và phát triển ở Việt Nam mấy nghìn năm cũng là bài học lịch sử trân quý về truyền thống đoàn kết chung sức chung lòng, hòa hợp, hòa hiếu, bình đẳng bình quyền, chung niềm tin, chung tay xây dựng, bảo vệ nền hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc Việt Nam.

Từ năm 1949 là thành viên sáng lập của Hội đồng Hòa bình thế giới - cơ quan lãnh đạo phong trào hòa bình thế giới, nơi tập hợp những người bảo vệ hòa bình thế giới đại diện các chính đảng, các ủy ban, tổ chức bảo vệ hòa bình của 135 quốc gia các châu lục, Việt Nam luôn có những đóng góp, ủng hộ cho phong trào hòa bình của nhân dân thế giới, nắm bắt xu thế chung của thời đại, xây dựng và thực hiện chính sách đối ngoại vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Việt Nam hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, chính trị, quốc phòng - an ninh. Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình, từng bước tham gia sâu rộng, trực tiếp vào các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, tham gia cả 3 trụ cột, gồm hòa bình-an ninh, phát triển và quyền con người, thể hiện trách nhiệm của một quốc gia hòa bình đối với Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế vì hòa bình.

Hòa bình và phát triển ở Việt Nam từ hơn 40 năm nay, nhất là từ khi công cuộc đổi mới được mở ra, đặt ra nhiệm vụ lịch sử cho đất nước phải hóa giải mọi nguy cơ chiến tranh, xây dựng và phát triển nền kinh tế-xã hội, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa – Đó là một xã hội “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp*

*tác với các nước trên thế giới*¹². Việt Nam từ đó nhất quán thực hiện “*đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới*”¹³. Chính sách ngoại giao khôn khéo và quan hệ hòa hiếu tin cậy lẫn nhau của Việt Nam với các quốc gia, kể cả các nước lớn và các quốc gia từng gây chiến tranh và thù hận với Việt Nam.

Với triết lý từ bi, hỷ xả, khuyến khích con người hướng thiện, Phật giáo đi vào lòng người và có tác dụng rèn luyện nhân cách đạo đức con người phấn đấu cho một xã hội bác ái với nhiệm vụ chung là xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam đã và đang đi theo theo con đường kiến thiết quốc gia thịnh vượng và an bình, như Đức Phật chỉ giáo – con đường dẫn dắt con người đến chấm dứt khổ đau và là chủ nhân quyết định cuộc sống của chính mình. Nhân tố con người. Lãnh đạo và con người Việt Nam nói chung trong thời bình hiện nay đề cao việc thượng tôn pháp luật, tôn quý chánh pháp, phụng sự dân chúng, bảo vệ đất nước, biết kiến tạo và xây dựng xã hội phát triển.

Do lịch sử để lại, Việt Nam ngay từ đầu nền dân chủ cộng hòa đã quan niệm và thực hiện lấy Phật giáo làm điểm tựa tinh thần vững chắc cho các tầng lớp nhân dân để đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con người. Giáo lý nhà Phật được nhà cách mạng Hồ Chí Minh đưa ra thành bài học cho cán bộ và nhân dân: “*Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi... Đối với những người có thói hư tật xấu, trù hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi*

12. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1991 tr.7.

13. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1991 tr.8.

*phần ác*¹⁴. Người lãnh đạo đội ngũ cán bộ quốc dân như Hồ Chí Minh từng phát biểu: “*Trước Phật đài tôn nghiêm, trước quốc dân đồng bào có mặt tại đây, tôi xin thể hy sinh đem thân phần đầu để giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc. Hy sinh, nếu cần đến hy sinh cả tính mạng, tôi cũng không từ*”¹⁵. Và Người dặn cán bộ “*Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh*”¹⁶.

Việt Nam thực hiện đổi mới từ một nước nghèo và kém phát triển, vươn lên thuộc nhóm nền kinh tế đang phát triển có thu nhập trung bình, Chính phủ kiến tạo phát triển phục vụ người dân; Việt Nam trở thành đối tác tin cậy của nhiều quốc gia trên thế giới... Sự cải thiện như thế “*cũng giống như tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm*”¹⁷. Việt Nam đang ngày càng hiện thực hóa việc phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đức Phật trí tuệ và từ bi lấy chánh tri chánh kiến làm nền tảng cho giác ngộ giải thoát, làm động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội, cũng là nền móng cho sự thương yêu và cảm thông. Ở Việt Nam, nhà cách mạng Hồ Chí Minh suy nghĩ và hành động theo Đức Phật về lòng vị tha, cứu khổ, mưu cầu hạnh phúc, an lành cho con người, bình an cho xã hội. Người thường nói về “*chân, thiện, mỹ*”, sống tốt đời đẹp đạo; Người đặc biệt đặt niềm tin và hy vọng vào toàn thể nhân dân, đồng bào, đồng chí mình cùng góp sức xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh.

Như thế Việt Nam đang hòa bình và phát triển, hòa bình để phát triển và phát triển để thực hiện mục tiêu hòa bình; thế giới đang phát triển xu thế hòa bình và hợp tác, kết nối và hội nhập. Đường như chánh niệm vì hòa bình đã và đang đưa đến cho mỗi quốc gia sự gắn kết chặt chẽ, đặt con người vào vị trí trung tâm để xây dựng và thực hiện các chính sách, giải quyết và ngăn ngừa xung đột trên

14. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 15. Nxb CTQG H.2011 tr.762.

15. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 4. Nxb CTQG H.2011 tr.169.

16. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 4. Nxb CTQG H.2011 tr.51.

17. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 10. Nxb CTQG H.2011 tr.472.

cơ sở tuân thủ Hiến chương LHQ và luật pháp quốc tế, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, tôn trọng độc lập chính trị, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi quốc gia... Như thế hy vọng một thế giới không còn chiến tranh, bất hạnh và khổ đau, con người sống an hòa và nhân văn, hạnh phúc.

Tài liệu tham khảo

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1991.
- Đại Việt Sử ký toàn thư*, Bản in nội các quan bản. Tập II. Nxb KHXH, Hà Nội 2004.
- Đạo Phật Việt Nam*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.
- Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 4, 10, 15. Nxb CTQG H. 2011.
- Hoàng Anh Tuấn, *Giáo lý Phật giáo qua lăng kính Hồ Chí Minh*. Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí, bản dịch Nxb Sử học, Hà Nội 1960, tập 1*.
- Thích Mật Thể, *Việt Nam Phật Giáo sử lược*. Nhà xuất bản Tôn giáo, 2000.
- Thích Minh Châu, *Những lời dạy của Đức Phật về hòa bình và giá trị con người*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995.
- Thích Nhất Hạnh: *Hòa bình bắt đầu từ chính bạn*, phỏng vấn của John Malkin ngày 1/7/2003.
- Thích Thanh Từ, *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục giảng giải*. Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2008.